

Số: /BC-SDTTG

Lạng Sơn, ngày tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị tại Sở Dân tộc và Tôn giáo

Thực hiện Công văn số 5792/CAT-TM ngày 28/6/2026 của Công an tỉnh Lạng Sơn về việc phối hợp báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW*); căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Dân tộc và Tôn giáo báo cáo tình hình, kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị như sau:

A. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA CẤP ỦY

Cấp ủy Chi bộ đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, gắn với yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu quả tham mưu, quản lý nhà nước trong lĩnh vực dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt được thực hiện thông qua sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề, họp giao ban cơ quan, định hướng tuyên truyền hằng tháng, hệ thống Văn phòng điện tử và các nền tảng số phục vụ công tác Đảng.

Trong năm, Chi bộ đã đăng ký 02 nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 về công tác xây dựng Đảng; trong đó nhiệm vụ thứ hai là đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác Đảng và chuyên môn, phấn đấu 100% đảng viên sử dụng thành thạo phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ điện tử; 100% cuộc họp chi bộ có biên bản điện tử và lưu trữ số; tổ chức tập huấn chuyển đổi số cho đảng viên tối thiểu 01 lần/năm. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác cấp ủy tiếp tục được duy trì; Trong kỳ báo cáo Chi bộ đã xử lý 886 văn bản đến, ban hành 153 văn bản đi, tổng số 1.039 văn bản; các văn bản được xử lý kịp thời, đúng quy trình, không để tồn đọng, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan.

B. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kết quả xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch năm 2026

Sở Dân tộc và Tôn giáo đã tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc triển khai được thực hiện theo hướng bám

nhiệm vụ chuyên môn của Sở, xác định rõ nội dung thuộc thẩm quyền tham mưu, tổ chức thực hiện, tránh chồng chéo với nhiệm vụ của các cơ quan chuyên ngành.

Sở đã ban hành các Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị đảm bảo thời gian theo quy định¹(*hoàn thành trước 25/01/2026*); kế hoạch triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số”; quyết định quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Trong kỳ báo cáo, Sở đã xây dựng, ban hành, tham mưu một số báo cáo, văn bản về Nghị quyết số 57-NQ/TW như: báo cáo tình hình, kết quả 01 năm 06 tháng triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; báo cáo tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW quý II năm 2026; báo cáo tổng kết 01 năm thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số”².

2. Hệ thống theodoinq.dcs.vn

Đến thời điểm báo cáo, Sở Dân tộc và Tôn giáo không có nhiệm vụ được giao theo dõi trên Hệ thống theodoinq.dcs.vn; do đó không phát sinh số liệu về nhiệm vụ đã hoàn thành, nhiệm vụ đang thực hiện, nhiệm vụ quá hạn trên hệ thống.

3. Đối với Hệ thống pakn.nq57.vn và các kênh có liên quan

Sở Dân tộc và Tôn giáo không phát sinh các nội dung cần triển khai trên hệ thống.

II. VỀ HOÀN THIỆN THẺ CHẾ, QUY ĐỊNH, QUY TRÌNH

Trong kỳ báo cáo, Sở tham mưu trình UBND tỉnh ban hành 02 Quyết định về quy chế quản lý, sử dụng, khai thác Cổng thông tin thành phần Chương trình, kênh thông tin đối thoại về công tác dân tộc; quy định quản lý, sử dụng phương tiện nghe nhìn trang bị cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn³.

III. VỀ BẢO ĐẢM NGUỒN NHÂN LỰC

Cử 11 công chức tham gia lớp bồi dưỡng trực tuyến về “Bình dân học vụ số” trong năm 2026 trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà quốc gia (MOOCs)⁴.

¹Kế hoạch số 16/KH-SDTTG ngày 24/01/2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo về kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ năm 2026 tại Sở Dân tộc và Tôn giáo; số 67/KH-SDTTG ngày 30/4/2026 của Sở Dân tộc và Tôn giáo về kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026 tại Sở Dân tộc và Tôn giáo

²Báo cáo số 245/BC-SDTTG ngày 10/6/2026 của Sở Dân tộc và Tôn giáo về tình hình, kết quả 01 năm 06 tháng triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; Công văn số 921/SDTTG-VP ngày 11/6/2026 về báo cáo tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW quý II năm 2026; Báo cáo số 247/BC-SDTTG ngày 11/6/2026 về tổng kết 01 năm thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số”..

³ Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 04/4/2026 của UBND tỉnh; 20/2026/QĐ-UBND ngày 26/5/2026 của UBND tỉnh.

⁴ 11/11 công chức đã hoàn thành khoá học ATTT theo yêu cầu.

Sở đã bố trí công chức chuyên trách tham mưu, theo dõi nhiệm vụ về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng; đồng thời phân công công chức phối hợp triển khai các nhiệm vụ có liên quan đến cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, Đề án 06 và các hệ thống thông tin chuyên ngành.

IV. VỀ TÀI CHÍNH, KINH PHÍ CHO KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ

Trong kỳ báo cáo, Sở đã rà soát nhu cầu, đề xuất một số nội dung kinh phí phục vụ nhiệm vụ chuyển đổi số, an toàn thông tin và điều kiện triển khai nhiệm vụ được giao, trong đó có mua sắm trang thiết bị phục vụ triển khai Hệ thống Quản lý văn bản và hồ sơ công việc mật của Chính phủ; kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ đối với công chức làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng⁵.

Việc đề xuất kinh phí được thực hiện theo hướng bám nhu cầu thực tế, đúng nhiệm vụ được giao, tránh trùng lặp với nền tảng dùng chung của tỉnh, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và nhiệm vụ do cơ quan khác chủ trì.

Đối với nội dung quản lý tài chính theo cơ chế Quỹ, trong kỳ báo cáo Sở không phát sinh nhiệm vụ thuộc thẩm quyền triển khai.

V. VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Về hạ tầng kỹ thuật, công nghệ

Sở duy trì đường truyền Internet, mạng LAN nội bộ phục vụ hoạt động thường xuyên của cơ quan; bảo đảm cán bộ, công chức và người lao động khai thác, sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice, thư điện tử công vụ, chữ ký số, Trang thông tin điện tử của Sở, Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Dân tộc và Tôn giáo và các hệ thống thông tin chuyên ngành.

Về trang thiết bị công nghệ thông tin, Sở đã rà soát hiện trạng máy tính, máy in, máy scan và các thiết bị phục vụ xử lý công việc, cơ bản đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, cấu hình tối thiểu của máy tính và một số thiết bị đầu cuối do Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn.

Về chứng thư số, Sở tiếp tục duy trì việc sử dụng chữ ký số trong xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử; đồng thời rà soát nhu cầu, đề nghị cấp chứng thư số cho cá nhân để bảo đảm lãnh đạo Sở, công chức có liên quan có đủ điều kiện ký số, xác thực hồ sơ, văn bản điện tử theo quy định⁶.

2. Về thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và Đề án 06

Sở đã ban hành Kế hoạch số 28/KH-SDTTG ngày 12/02/2026 về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính, triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2026; thường xuyên quán triệt, triển khai các quy định về kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính, thực

⁵Công văn số 899/SDTTG-VP ngày 09/6/2026; Công văn số 929/SDTTG-VP ngày 12/6/2026.

⁶Đã đăng ký 04 chứng thư số phục vụ công tác triển khai khai hệ thống quản lý văn bản mật của Chính phủ

hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, gắn với cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ tổ chức, cá nhân.

Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở được thực hiện theo cơ chế một cửa, được công bố, công khai, niêm yết đầy đủ tại trụ sở cơ quan, trên Trang thông tin điện tử của Sở.

Tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở là 22 thủ tục, trong đó 15 thủ tục cấp tỉnh, 07 thủ tục cấp xã; 08 thủ tục thực hiện theo cơ chế một cửa, 14 thủ tục thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông, 18 thủ tục thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến, 22 thủ tục thực hiện trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

Đến thời điểm báo cáo, 15/15 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến, đạt tỷ lệ 100%; trong đó 07/15 thủ tục đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Sở đã lựa chọn 02 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết để đưa vào kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2026 của tỉnh; tiếp tục rà soát thủ tục hành chính nội bộ trong cơ quan hành chính nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao, kịp thời tổng hợp, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh khi phát hiện nội dung bất cập, chồng chéo, chưa phù hợp.

Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định thủ tục hành chính, Sở đã niêm yết công khai số điện thoại, email, địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức. Trong 6 tháng đầu năm 2026, không có phản ánh, kiến nghị nào về quy định thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.

Về kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trong kỳ báo cáo Sở tiếp nhận 02 hồ sơ, gồm 01 hồ sơ trực tuyến, 01 hồ sơ trực tiếp, không có hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích; đã giải quyết 02 hồ sơ đúng hạn, không có hồ sơ quá hạn. Lũy kế từ ngày 15/12/2025 đến thời điểm báo cáo, Sở tiếp nhận 03 hồ sơ, gồm 01 hồ sơ trực tuyến, 02 hồ sơ trực tiếp; đã giải quyết 03 hồ sơ đúng hạn, không có hồ sơ quá hạn, không có hồ sơ đang giải quyết.

Về số hóa hồ sơ, giấy tờ giải quyết thủ tục hành chính, tổng số hồ sơ cần số hóa là 03 hồ sơ, đã số hóa 03 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%.

3. Về xây dựng, hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu, nền tảng, ứng dụng số

Sở hiện đang quản lý, khai thác một số hệ thống, cơ sở dữ liệu, nền tảng phục vụ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, gồm: Cơ sở dữ liệu công tác dân tộc; Cơ sở dữ liệu tín ngưỡng, tôn giáo; Cổng thông tin thành phần/Kênh đối thoại công tác dân tộc.

Đối với Cơ sở dữ liệu công tác dân tộc, Sở tiếp tục rà soát, đánh giá, đề xuất nâng cấp để phù hợp mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm an toàn thông tin, ổn định dữ liệu, khả năng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và yêu cầu quản lý nhà nước về công tác dân tộc trong tình hình mới.

Đối với Cơ sở dữ liệu tín ngưỡng, tôn giáo, hệ thống cơ bản vận hành ổn định, phục vụ công tác quản lý, theo dõi, tổng hợp dữ liệu về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh.

Đối với Cổng thông tin thành phần/Kênh đối thoại công tác dân tộc, hệ thống vận hành phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền, trao đổi, đối thoại thuộc lĩnh vực công tác dân tộc. Trong kỳ báo cáo, Sở đã kiện toàn Ban Biên tập trang thông tin điện tử, bảo đảm việc quản lý, cập nhật, vận hành phù hợp quy định.

4. Về an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu

Trong kỳ báo cáo, Sở đã rà soát hiện trạng hệ thống phục vụ công tác xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin; triển khai cài đặt hệ thống tường lửa đối với hệ thống mạng LAN của Sở, bảo đảm các điều kiện, yêu cầu cần thiết đối với hệ thống thông tin cấp độ 1. Đến nay, 01 hệ thống mạng LAN của Sở đã được Công an tỉnh phê duyệt cấp độ an toàn thông tin cấp độ 1.

100% máy tính của Sở sử dụng hệ điều hành Windows 11 bản quyền, góp phần bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Hệ thống camera tại trụ sở cơ quan được duy trì, dữ liệu có thời gian lưu trữ khoảng 15 đến 20 ngày, góp phần phục vụ công tác bảo đảm an ninh, an toàn trụ sở và hỗ trợ theo dõi, bảo vệ tài sản, hồ sơ, tài liệu của cơ quan.

Sở đã triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin như: quản lý tài khoản, thiết bị, máy tính phục vụ công vụ; rà soát, phân quyền trên các hệ thống dùng chung; rà soát quy chế, phương án quản lý, vận hành Trang thông tin điện tử; quán triệt cán bộ, công chức và người lao động sử dụng tài khoản công vụ, chữ ký số, hệ thống văn bản điện tử, hệ thống chuyên ngành đúng quy định.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Sở không ghi nhận sự cố nghiêm trọng về an toàn thông tin, an ninh mạng; không để lộ, lọt bí mật nhà nước; không xảy ra mất an toàn về hồ sơ, tài liệu, dữ liệu và hệ thống thông tin của cơ quan.

VI. VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Trong kỳ báo cáo, Sở không có nhiệm vụ chủ trì về doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ICT, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, mô hình hợp tác 03 nhà, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, đô thị thông minh.

Sở chưa phát sinh nhiệm vụ, dự án độc lập về tích hợp, ứng dụng trí tuệ nhân tạo thuộc thẩm quyền chủ trì.

VII. VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ

Trong kỳ báo cáo, Sở không phát sinh hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

VIII. VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG LÃNG PHÍ

Sở đã quán triệt việc phòng, chống lãng phí trong tham mưu, đề xuất, triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Các

nhiệm vụ đề xuất được rà soát theo hướng bám sát chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu thực tế và khả năng cân đối nguồn lực.

Đối với các nhiệm vụ chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu, nền tảng số dự kiến triển khai, Sở chú trọng rà soát sự cần thiết, phạm vi, quy mô, sản phẩm đầu ra, khả năng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và hiệu quả sử dụng; không đề xuất nhiệm vụ khi chưa xác định rõ căn cứ, phạm vi, nhu cầu và hiệu quả, nhằm hạn chế nguy cơ trùng lặp, lãng phí⁷.

Sở tiếp tục tận dụng các nền tảng dùng chung như Văn phòng điện tử, chữ ký số, hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, hệ thống thông tin báo cáo và các hệ thống chuyên ngành hiện có để phục vụ chỉ đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn giúp cắt giảm lãng phí thời gian, giấy tờ.

C. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, kết quả đạt được

Trong kỳ báo cáo, cấp ủy Chi bộ đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW gắn với nhiệm vụ chính trị của cơ quan. Sở đã cụ thể hóa, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, dữ liệu, an toàn thông tin, hệ thống thông tin, Đề án 06 và phong trào “Bình dân học vụ số” theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh và các cơ quan chuyên môn.

Sở đã bố trí 01 công chức chuyên trách tham mưu, theo dõi nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; đồng thời tham mưu các nội dung liên quan đến an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các nhiệm vụ phát sinh theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Việc bố trí công chức chuyên trách góp phần nâng cao tính chủ động trong tham mưu, tổng hợp, theo dõi, đôn đốc và triển khai các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Sở.

Việc triển khai các nhiệm vụ cơ bản bảo đảm rõ nội dung, rõ trách nhiệm, phù hợp chức năng, nhiệm vụ của Sở; chú trọng rà soát, tránh trùng lặp, lãng phí trong đề xuất nhiệm vụ, nhất là đối với các hệ thống, cơ sở dữ liệu, nền tảng số dự kiến triển khai trong giai đoạn tới. Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tiếp tục được duy trì, khai thác phục vụ công tác quản lý nhà nước về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Tồn tại, hạn chế

Khối lượng nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, dữ liệu, hệ thống thông tin, thủ tục hành chính điện tử, chữ ký số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu ngày càng nhiều, yêu cầu chuyên môn ngày càng cao. Mặc dù Sở đã bố trí 01 công chức chuyên trách, song phạm vi nhiệm vụ rộng, thường xuyên phát sinh yêu cầu mới; công chức được

⁷Công văn số 893/SDTTG-VP ngày 08/6/2026 về việc báo cáo, đề xuất nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030

phân công chủ yếu có kinh nghiệm tham mưu, triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, trong khi các nội dung chuyên sâu về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, quản trị hệ thống, đánh giá rủi ro, ứng cứu sự cố và bảo mật dữ liệu cần tiếp tục được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật thường xuyên.

Một số hệ thống, cơ sở dữ liệu chuyên ngành cần tiếp tục được rà soát, chuẩn hóa, nâng cấp để đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin và khai thác hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước. Số lượng hồ sơ thủ tục hành chính phát sinh tại Sở còn ít nên việc đánh giá tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến, tái sử dụng dữ liệu, hiệu quả khai thác dữ liệu số còn phụ thuộc vào tình hình phát sinh hồ sơ thực tế.

3. Nguyên nhân

Nguyên nhân chủ yếu do nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, dữ liệu, an toàn thông tin, an ninh mạng có tính kỹ thuật chuyên sâu, thường xuyên thay đổi theo yêu cầu mới của Trung ương, của tỉnh và của các hệ thống dùng chung. Bên cạnh đó, Sở là cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có phạm vi quản lý nhà nước đặc thù về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo; các hệ thống, cơ sở dữ liệu chuyên ngành cần tiếp tục được chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin, do đó cần tiếp tục có hướng dẫn chuyên môn, đào tạo chuyên sâu và bảo đảm nguồn lực phù hợp.

D. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: không có

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị tại Sở Dân tộc và Tôn giáo./.

Nơi nhận:

- Công an tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Xuân Thuận